

Phú Lợi, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Số: 11 A /KH-MNHP

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC: 2025-2026

Căn cứ văn bản họp nhất 01/VBHN-BGDDT ngày 13 tháng 4 năm 20221 ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026 của trường MN Hoa Phượng;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị; Bộ phận chuyên môn trường Mầm non Hoa Phượng xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026 như sau:

A: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

-Đội ngũ, số lượng CBQL-GV trình độ chuyên môn CBQL-GV:

Đối tượng	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ					Tin học		Ngoại ngữ		Chính trị	
				ĐH	CĐ	TC	SC	Qua BD	A	B	A	B	TC	SC
CBQL	3	3	3	3	0	0	0	0	3	3	1	2	3	0
GV	23	23	17	16	6	1	0	0	11	12	14	9	1	6
Cộng	26	26	20	19	6	1	0	0	14	15	15	11	4	6

- Quy mô nhóm - lớp - trẻ

- Tổng số nhóm lớp: 11 lớp; Tổng số trẻ: 311 trẻ
- + Nhóm trẻ: 1 nhóm, số trẻ: 24
- + Khối Mầm: 3 lớp; số trẻ: 59 (bình quân 20 trẻ/lớp)
- + Khối Chồi: 3 lớp; số trẻ: 100(bình quân 33 trẻ/lớp)
- + Khối Lá: 4 lớp; số trẻ: 127 (bình quân 33 trẻ/lớp)

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo ngành, địa phương các cấp, được sự hỗ trợ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giáo trẻ, sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc ủng hộ cơ sở vật chất, các trang thiết bị lớp học

- Trường tập trung ở 1 điểm, là nơi trung tâm của địa phương, gần Ủy ban nhân dân phường, là điều kiện thuận lợi cho trường liên hệ công tác.

- Cơ sở vật chất đáp ứng quy mô trường lớp, sân chơi rộng, có nhiều cây xanh, hoa kiểng, khu vui chơi, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.

- Tập thể CBGVNV có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

2. Khó khăn:

- Sân chơi hơi nhỏ, một số đồ chơi ngoài trời cũ chưa được thay mới.
- Đội ngũ giáo viên lớn tuổi nhiều.

B/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I/ MỤC TIÊU CHUNG :

Chương trình GDMN đối với:

- Trẻ nhà trẻ 4 lĩnh vực
- Trẻ mẫu giáo theo 5 lĩnh vực

1. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhà trẻ: (4 lĩnh vực)

1.1. Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
2. Phát triển nhận thức:	- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu hỏi đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.
4. Phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ:	- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Mẫu giáo: (5 lĩnh vực)

2.1/Khối Mầm:

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế: Đi,
--------------------------------	--

	chạy, bò, tung, ném... - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay: - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; - có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- <i>Có ý thức về bản thân.</i> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2. 2. Khối Chồi.

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
--------------------------------	--

	- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán, làm quen với chữ viết
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- <i>Có ý thức về bản thân.</i> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.3.Khối Lá:

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
--------------------------------	---

	- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- <i>Có ý thức về bản thân.</i> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ.

1. NHÀ TRẺ:

1.1. Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
----------	-----	-------------------	-------------------

		NĂM HỌC	NĂM HỌC
PT THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. Bước lên xuống bậc có vịn.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh - Đi theo hiệu lệnh đi đều. - Đi trong đường hẹp - Đi có bê vật trên tay - Đứng co một chân - Bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy. - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Bước lên xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc). - Lên xuống bậc có vịn.
	3	- Phối hợp, tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, trèo .	* Tập bò, trườn, trèo: - Bò thẳng hướng theo đường hẹp (2 lần) - Bò thẳng hướng có vật trên lưng.(2 lần) - Bò chui qua cổng.(2 lần) - Bò, trườn qua vật cản (có thể cho bò theo đường ngoằn ngoèo). (2 lần)
	4	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động tung, ném, bắt	* Tập tung, ném, bắt: -Tung bóng bằng 2 tay -Tung bóng qua dây - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng trúng đích.(70-100cm) (2 lần) -Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1,2 m -1,5 m. (2 lần) -Bước qua vật cản, ném qua dây (2

			lần)
5	- Thực hiện phối hợp vận động Nhún, bật	* Tập nhún, bật: - Nhún bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân	
6	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.	
8	- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống, thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống	
9	- Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	
10	- Thói quen tốt về vệ sinh cá nhân	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bẩn - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày. - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.	
11	- Thói quen tốt về công việc tự phục vụ. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cời quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay,	

			lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.
	12	- Biết tự bảo vệ bản thân trước sự thay đổi của thời tiết (có sự nhắc nhở)	- Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh.
	13	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Không chạy chơi trên lòng đường - Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước...
	14	- Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn
PT NHẬN THỨC	15	Luyện tập các giác quan, phối hợp các giác quan	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
	16	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua)
	17	Nhận biết một số bộ phận cơ thể	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	18	- Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	19	Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp

			- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
20	- Trẻ nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.		- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to-nhỏ. - Hình tròn-hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
21	Nhận biết bản thân mình		Trẻ biết gọi tên mình, tên gọi của những người gần gũi và công việc của họ
22	Nhận biết những người thân gần gũi		Trẻ biết tên gọi của những người gần gũi và công việc của họ
23	Nhận biết công việc của người thân		Trẻ biết công việc của ba mẹ, ông bà, anh, chị
24	Nhận biết một số rau, hoa, quả, rau quen thuộc		- Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc.
25	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại hoa, quả, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích...		- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết, các loại quả, rau củ quen thuộc. - Nhận biết được các loại hoa có gai, có mủ độc - Nhận biết được các loại quả không ăn được - Nhận biết được các loại rau không ăn được
26	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, kích thước của các loại hoa, quả, rau		Nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, sắc của các loại hoa, quả và các loại rau củ
27	- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ		- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận,

		màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
	28	Nhận biết một số con vật quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.
	29	- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay. - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, khỉ, hổ - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...
	30	- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật - Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
	31	- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng - Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
	32	Nhận biết một số phương tiện giao thông - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.

	33	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không và một số luật lệ giao thông đơn giản.	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hỏa...
	34	- Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường bộ.
	35	- Trẻ nhận biết một số luật giao thông đơn giản	Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
	36	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa.
	37	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của một số hoạt động của lớp mẫu giáo	- Nhận biết đặc điểm đặc trưng của một số hoạt động ở lớp mẫu giáo
	38	- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.
PT NGÔN NGỮ	39	Nghe các âm thanh	Nghe các âm thanh khác nhau của đồ vật, con vật, hiện tượng thiên nhiên
	40	Bắt chước các âm thanh	Bắt chước tiếng kêu các đồ vật, con vật, hiện tượng thiên nhiên.
	41	- Nghe và thực hiện theo lời nói	- Trẻ biết lắng nghe và thực hiện yêu cầu của cô theo khả năng. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?

	42	-Nghe lời nói và cảm nhận với sắc thái tình cảm khác nhau	- Trẻ biết chú ý lắng nghe và cảm nhận thông qua một số biểu cảm gương mặt, lời nói.
	43	Trò chuyện cùng cô và các bạn	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ. - Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm các âm khác nhau. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?
		- Trẻ biết sử dụng một số từ quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	44	- Trẻ biết nghe cô và các bạn đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát.
	45	- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề	- Trẻ đọc các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về chủ đề theo sự hướng dẫn của cô.
	46	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết trả lời các câu hỏi của cô.	- Biết trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3,4 tiếng. -Trẻ hát thuộc bài hát ngắn. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	47	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn, câu dài.	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1,2 câu đơn giản và câu dài, kết hợp với cử chỉ.
	48	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
	49	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa, quả, rau mà trẻ biết	-Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết.

		- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ, rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
50	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hỏa, máy bay... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
51	- Biết diễn đạt câu ngắn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, trả lời được các câu hỏi của cô, phát âm rõ.	- Trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu về tên gọi, đặc điểm của các loại hoa, quả, rau củ, phương tiện giao thông.
52	- Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của mùa hè, lớp mẫu giáo ...
53	- Trẻ biết lắng nghe cô kể chuyện với các sắc thái, biểu cảm giọng điệu khác nhau	Lắng nghe và quan sát biểu cảm của cô giáo, trả lời câu hỏi đơn giản và kể lại câu chuyện theo sự gợi ý của cô giáo.
54	- Trẻ nắm được nội dung bài thơ, câu chuyện và biết kể lại câu chuyện theo tranh.	- Trẻ nhớ nội dung và kể được chuyện theo tranh, biết minh họa động tác theo nội dung thơ, chuyện - Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.

	55	- Đọc truyện với trẻ hằng ngày	-Trẻ biết nghe cô đọc truyện, đoán xem điều gì sẽ xảy ra kế tiếp. - Thích thú khi cô thay tên nhân vật bằng tên trẻ. -Nói về các hình ảnh minh họa
	56	- Trẻ biết làm quen với sách qua sự hướng dẫn của cô.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. -Biết thay tên nhân vật bằng tên mình. - Kể lại các đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
	57	Trẻ biết “xem sách”	-Trẻ biết lật sách, làm quen với sách. -Trẻ khám phá quyển sách
PT TC, KNXH & TM	58	Phát triển tình cảm - Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô ,các bác trong trường. Biết tự tin trong giao tiếp.	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người. - Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	59	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
	60	- Trẻ biết ý thức về bản thân	- Nhận biết một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn. - Thực hiện yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt của giáo viên.
	61	Trẻ biết một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn

			giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
	62	- Biết thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Biết phụ giúp cô và bạn xếp gọn đồ chơi sau khi chơi. Không đập phá đồ dùng đồ chơi. Không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
	63	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi...	-Xem tranh ảnh các khuôn mặt thể hiện các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi. -Soi gương và thể hiện các trạng thái cảm xúc. -Tô màu, dán các khuôn mặt biểu cảm khác nhau. -Chơi các trò chơi giả bộ sắm vai.
	64	Phát triển kỹ năng xã hội	-Trẻ bắt chước một số hành vi giao tiếp xã hội đơn giản như chào tạm biệt cảm ơn, một số hành động thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi -Dạy trẻ học cách giao tiếp thông qua trò chuyện
	65	Giáo dục mối quan hệ tích cực với con người và sự vật, gần gũi xung quanh.	-Cho trẻ xem sách truyện, tranh ảnh và nghe kể chuyện một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản. - Trẻ được quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao về tình cảm gia đình, bạn bè, cô giáo -Tham gia các ngày lễ ở trường mầm non
	66	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ -nghe hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc. - Làm quen với bài hát và các động tác vận động theo nhạc.

	67	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - Tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình	- Làm quen với đất nặn, cách cầm bút phấn - Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu hoa, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán... - Tô màu và xé dán khéo léo. - Biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn. - Xếp hình từ các khối, tranh ảnh đơn giản tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh
	68	- Trẻ biết vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh. - Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	- Thực hiện được các yêu cầu của cô: vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
	69	Xem tranh truyện	- Trẻ thoải mái xem tranh truyện cùng cô và các bạn. - Trẻ nhìn vào sách và lật từng trang. - Trẻ nói về nhân vật, hoạt động trong tranh
	70	Kể chuyện, minh họa bằng rối, đồ chơi.	-Trẻ trả lời được các câu hỏi, thể hiện cảm xúc khi nghe kể chuyện.
	71	- Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Biết yêu quý vật nuôi, không chọc phá chúng
	72	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
	73	- Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xả rác, bỏ rác đúng nơi quy định.

	74	- Biết tạo ra sản phẩm từ hoa và cây	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: khâu quả, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán...
	75	- Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản

2.MẪU GIÁO

2.1/ Khối Mầm:

4	STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Phát triển thể chất	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, giúp trẻ phát triển các tổ chức nhanh nhẹn, dẻo dai và sức mạnh cơ bắp của chân, khả năng cân bằng và kiểm soát vận động.	- Đi kiềng gót liên tục 3m - Đi thay đổi theo tốc độ hiệu lệnh - Đi theo đường đích dắc - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp, đầu đội túi cát - Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương - Đi ngang bước dồn. - Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	3	-Phát triển phối hợp vận động và các giác quan, sự khéo léo.	- Chạy theo đường thẳng - Chạy theo trò chơi “Tín hiệu” - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy theo đổi hướng theo đường đích dắc
	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể,sức mạnh cơ bắp của chân, khả năng cân bằng và kiểm soát vận động.	-Bật nhảy tại chỗ -Bật tiến về phía trước. - Bật qua dây - Bật xa 25 cm - Bật sâu 15 cm.
	5	Các vận động bò, trườn giúp trẻ rèn luyện, phát triển khéo léo các vận động của cơ thể và khả năng vận động dẻo dai	- Trườn về phía trước - Bò trườn theo hướng thẳng, - Bò trườn chui dưới dây (cổng). - Bò theo đường đích dắc - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không

		chếch ra ngoài. - Bước lên bật xuống bậc cao 30 cm.
6	- Phối hợp tay - mắt, sức mạnh trong vận động	- Tung bóng cho cô. - Bắt và tung bóng với cô bằng hai tay, - Tập đập bắt bóng với cô. - Đập và bắt bóng 3 lần liên tiếp (bóng 18cm) - Tung bóng lên cao bằng hai tay.
7	Phát triển, rèn luyện cho trẻ các nhóm cơ bắp của tay và sự phối hợp vận động và các giác quan	- Ném xa bằng một tay. - Ném xa bằng hai tay. - Ném trúng đích bằng một tay. - Ném - chạy theo trò chơi “Thi xem ai ném xa nhất”
8	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan.	- Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng dọc. - Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
9	Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay.	- Vỗ tay, vẫy tay, co duỗi, đan tay, xoa tay - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt, lật sách, chồng tháp, ghép hình, đóng mở nắp chai - Cuộn, vò, xé giấy, vẽ tự do, sử dụng kéo - Rửa tay, lau tay, lau mặt, rót nước, chăm sóc cây, vật nuôi... - Mặc quần, mặc áo, cài, cởi cúc áo. dưới sự giúp đỡ của người lớn. Đóng mở cửa...
10	- Trẻ có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường sạch sẽ.	- Rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi qui định... biết giữ gìn vệ sinh môi trường
11	- Biết không đi theo người lạ	- Giáo dục trẻ không theo người lạ mặt ra khỏi trường, biết xin phép cô khi đi ra ngoài. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, rủ đi chơi...
12	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường.
13	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Trẻ biết mặc quần áo ấm, mang vớ khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời

			nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	14	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	15	- Kể được tên một số món ăn hàng ngày	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số món ăn hàng ngày ở trường, ở nhà . - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, trẻ thích. - Biết các loại thức ăn để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh.
	16	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que, ổ điện, bàn ủi nóng v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hố, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	17	- Có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt..., không dùng dao để cắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	18	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Biết và không uống nhiều nước ngọt, ăn nhiều đồ ngọt để sâu răng. - Biết và không uống các loại nước quá lạnh sẽ dễ bị ho.
	19	Biết mỗi nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	20	- Trẻ biết giữ an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài...
Phát triển nhận thức	21	- Nhận xét về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Tên gọi, đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Tên gọi, đặc điểm và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi

22	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật.	- Quá trình phát triển của cây, con vật. - Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây cối, con vật quen thuộc.
23	- Nhận biết được sự cần thiết của nước.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Trẻ biết có các loại nước, nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
24	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
25	- Làm thử nghiệm đơn giản, dự đoán, quan sát, so sánh kết quả.	- Không khí, các nguồn ánh sáng, nước và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đồ vật...
26	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
27	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
28	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Mối quan hệ về thời tiết - Mối quan hệ giữa thực vật, động vật và môi trường sống.
29	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của mùa xuân, mùa hè.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của mùa + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có ngày Tết cổ truyền. + Mùa hè: Nắng nóng, mưa nhiều, có hoa phượng nở, ve kêu.
30	- Có một số hiểu biết ban đầu về một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Nhận biết 1 và nhiều

		- Nhận biết sự giống và khác nhau giữa 2 nhóm đối tượng bằng kỹ năng xếp tương ứng.
31	- Biết so sánh kích thước các đối tượng.	- So sánh kích thước 2 đối tượng: To-nhỏ, cao- thấp, dài-ngắn. - Đặt cạnh, đặt chồng, đặt kề các đối tượng và diễn đạt kết quả. - So sánh các đối tượng trong thực tế.
32	- Xác định được vị trí: trên, dưới, trước, sau của một vật so với một vật khác; phải, trái của bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật: phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn; phía phải - phía trái so với bản thân trẻ.
33	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
34	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
35	-Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	-Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. -Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo
36	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
37	-Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	-Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau; phía phải-phía trái)
38	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Biết địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, xã phường đang ở).
39	-Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	-Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
41	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
42	- Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.

		nhân viên trong trường khi trò chuyện.	
	43	- Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	44	- Biết tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	45	- Biết tên và một vài hoạt động của một số ngày lễ hội.	- Ngày Tết trung thu, ngày Tết cổ truyền, ngày sinh nhật .
	46	-Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
Phát triển ngôn ngữ	47	-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	48	-Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	49	-Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	-Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ Ở đâu?”, “ Khi nào?”, “Để làm gì?”
	50	-Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	51	-Kể lại được sự việc đơn giản.	-Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản. diễn ra của bản thân như : thăm ông bà, đi chơi, xem phim
	52	-Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao ..	-Đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, tục ngữ.
	53	-Kể chuyện đơn giản đã được nghe và có sự giúp đỡ của người lớn.	-Kể lại chuyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.
	54	-Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	-Đóng vai theo lời dẫn chuyện của GV
	55	-Sử dụng các từ như “ vâng ạ”, “ dạ”,	-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.

		“ thừa” trong giao tiếp.	
56		-Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	-Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
57		-Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
58		-Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	-Đọc truyện qua các trang vẽ.
59		-Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	-Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
60		-Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm	-Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
61		-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
62		-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ. -Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lăng Bác.
63		-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
64		-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
65		-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
66		-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
67		-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

			Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Phát triển thẩm mỹ	68	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	69	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát. - Vận động minh họa theo bài hát trong chương trình.
	70	- Sử dụng các kỹ năng tạo hình đơn giản để tạo ra sản phẩm.	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối. - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
	71	- Cắt theo đường vẽ sẵn.	- Cắt theo đường thẳng vẽ sẵn. - Cắt theo ý thích.
	72	- Rèn cho trẻ kỹ năng tạo hình.	- Rèn cho trẻ kỹ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng.
	73	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	74	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi. - Mong muốn tạo ra cái đẹp.
	75	Bộc lộ cảm xúc trước âm thanh và tác phẩm nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	76	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
	77	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.

		tạo ra sản phẩm đơn giản.	-Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.. -Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo các sản phẩm có hình 1 khối, nhiều khối.
	78	-Hát tự nhiên hát theo bài hát quen thuộc. - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	-Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, các bản nhạc gần gũi (dân ca, nhạc thiếu nhi) - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo từng chủ đề
	79	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	Cháu tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích từng của mình
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	80	-Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên ba mẹ.	-Tên, tuổi, giới tính của bản thân, ba mẹ.
	81	-Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	-Sở thích, khả năng của bản thân.
	82	-Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	-Hoàn thành công việc được giao.
	83	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh....	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh) - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	84	-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	85	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ. -Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lắng Bác.
	86	-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	87	-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - sau khi chơi xếp đồ chơi không tranh giành đồ chơi , vâng lời bố mẹ
	88	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

	89	-Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	-Lắng nghe cô và bạn nói.
	90	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
	91	-Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	-Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	92	-Có thói quen bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	-Tiết kiệm điện, nước. -Bỏ rác vào thùng rác. -Giữ vệ sinh môi trường -Bảo vệ chăm sóc cây cảnh và con vật.

3.Khối chồi:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
	2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng.

Giáo dục phát triển thể chất			+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang.
	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay.
	5	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
	6	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	7	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	8	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	-Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang
	10	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động	Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu”
	13	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng	- Bài tập tổng hợp: Bò chui qua cổng
	14	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
	15	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong	Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón

Giáo dục phát triển thể chất		một số hoạt động.	tay, gán, nối... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây.
	16	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
	17	Nhận biết 1 số thói quen trong ăn uống, lợi ích và cách bảo vệ sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
	18	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường. - Có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân.	Cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	19	- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
	20	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
	21	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	22	- Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.

Giáo dục phát triển thể chất	23	- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo theo thời tiết sẽ đảm bảo sức khỏe và thoải mái khi vận động
	24	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
	25	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát v.v...
	26	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
	27	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	28	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v... - Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu. - Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	29	-Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn	-Tên các món ăn quen thuộc hằng ngày
	30	-Cháu biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	31	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với

			con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	32	Tránh xa những nơi nguy hiểm và gọi số điện thoại khẩn cấp khi gặp nguy hiểm	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	33	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v.v..
Giáo dục phát triển nhận thức	34	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô như: đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật hiện tượng; “ vì sao cây lại héo?”, “ vì sao lá cây bị ướn?”	-Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng ĐDDC. -Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây hoa quả gần gũi; ích lợi và tác hại đối với con người. -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. -Cách chăm sóc bảo vệ cây, con vật. -Các nguồn nước trong môi trường sống. -Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	35	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	36	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	37	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người

Giáo dục phát triển nhận thức	38	- Phân loại PTGT theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.
	39	- Phân loại các đồ dung, con vật theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	40	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	41	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
	42	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
	43	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
	44	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
	45	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
	46	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
	47	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	48	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
	49	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông , hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
Giáo dục	50	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và

phát triển nhận thức			theo yêu cầu.
	51	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
	52	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
	53	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
	54	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	55	- Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	56	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	57	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	58	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	59	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	60	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	61	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
	62	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	63	- Kể tên và nêu 1 vài đặc điểm của đặc sản địa phương.	- Đặc điểm nổi bật 1 số món ăn đặc sản của địa phương
	64	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	65	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu

	tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	
66	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
67	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
68	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
69	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
70	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
71	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
72	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
73	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
74	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
75	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
76	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
77	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
78	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
79	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Biết nhận dạng các chữ cái tiếng Việt - Biết tô, đồ các nét chữ
80	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)

	81	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	82	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	-Trẻ biết vỗ tay vỗ tay, làm động tác mô phỏng -Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	83	-Chú ý nghe, thích thú theo bài hát, bản nhạc;	-Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc;
		-Chú ý thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	-Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện theo chủ đề
	84	-Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.	-Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
	85	-Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ
	86	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nhận ra các bài hát có giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi
		-Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	-Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. -Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
	87	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	-Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
	88	-Làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	-Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
	89	-Phối hợp các kĩ năng xếp hình để	-Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp

Giáo dục phát triển thẩm mỹ		tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	90	-Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. -Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	-Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. - Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	91	-Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	-Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
	92	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	-Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
	93	-Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	-Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
	94	-Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	95	-Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	96	-Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ.
	97	-Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
	98	-Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	99	-Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	100	-Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	101	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể	- Kính yêu Bác Hồ - Các hình ảnh của Bác Hồ với các

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		chuyện về Bác Hồ. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	cháu thiếu nhi, lăng Bác
	102	-Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	103	-Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	-Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
	104	-Có thái độ yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. -Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
	105	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	106	-Chú ý nghe khi cô, bạn nói	-Lắng nghe cô và bạn nói
	107	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	108	-Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	109	-Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. -Biết thể hiện tình cảm với các con vật, cho con vật quen thuộc ăn. Thích được tham gia chăm sóc cây cối như :Nhặt lá vàng, nhổ cỏ ,tưới cây...
	110	-Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	-Biết tiết kiệm nước, tiết kiệm điện khi không sử dụng - Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường -Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối

4. Khối lá:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
----------	-----	---------------------------	---------------------------

Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
	2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.
	3	-Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	-Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	4	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m. + Bò đích đích qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
	5	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động,	+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang.

Giáo dục phát triển thể chất		điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	
	6	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đì và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	7	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	- Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.
	8	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 35 - 40cm). + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
	9	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân.
	10	- Bò, trườn, trèo - Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang
	11	Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc,cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò Zích zắc qua 7 điểm.cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
	12	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Biết Tự mặc và cởi quần áo.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá9 phéc mớ tua), khâu, luồn, buộc dây.
	13	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.

Giáo dục phát triển thể chất	14	- Đi,đạp và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đạp bắt bóng - Đi,đạp và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
	15	- Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đặt trên đầu Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây,đi lên xuống trên ván dốc(dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuy gối. - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, Đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
	16	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7),10 giây	- Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy 18m trong khoảng 5 – 7 giây - Chạy tốc độ vừa sức.
	17	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m - Chạy liên tục khoảng 150m không hạn chế thời gian.
	18	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
	19	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	20	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
	21	- Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hàng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản - Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu

Giáo dục phát triển thể chất			dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
	22	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh , ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
	23	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khoẻ không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	24	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai.
	25	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
	26	– Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. -Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	27	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	-Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối

			nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật,... -Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	28	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
Giáo dục phát triển nhận thức	29	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	Bé nhận biết chức năng của 5 giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	30	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).
	31	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bé, bạn các cô, các bác trong trường	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
	32	-Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	-Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. -Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. -Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	33	-Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2

			– 3 dấu hiệu.
Giáo dục phát triển nhận thức	34	-Biết gọi tên đồ vật theo đặc điểm chung	- Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
	35	-Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật.	-Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.
	36	-Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của một số hiện tượng tự nhiên.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
Giáo dục phát triển	37	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. + Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè + Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió

nhận thức			mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... + Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
	38	Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... . Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
	39	– Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng *Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. Phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu.
	40	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ... - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
	41	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	-Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội. -Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
	42	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...). - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
	43	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10

44	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	a/ Đo độ dài - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. b/ Đo dung tích. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
45	– Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
46	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
47	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
48	– Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
49	- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
50	- Thích đặt câu hỏi;	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
51	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Làm một số thí nghiệm - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó. - Quan sát các sự vật , hiện tượng

			xung quanh
	52	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
	53	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	54	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	55	- Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	56	- Biết Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	- Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
	57	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	58	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể . - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	59	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	60	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ	61	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	62	- Nói rõ ràng	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao?, có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Để làm gì?,... - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	63	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
	64	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	65	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	66	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
	67	- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;	- Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
	68	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;	- Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ

Giáo dục phát triển ngôn ngữ			về nhân vật, lời nói hành động.
	69	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
	70	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
	71	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
	72	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
	73	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
	74	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
	75	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
	76	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	77	Sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	Nhận biết và sao chép được 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình

	78	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
	79	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem, nghe đọc và tự “ đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
	80	-Biết cách “đọc” sách	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	81	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
	82	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	83	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết;	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
	84	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
	85	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
	86	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ.
	87	- Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên

			hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
	88	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô
	89	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	90	- Vẽ, tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích.
	91	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, họa báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	92	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	93	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	94	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng. -Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện
Giáo dục	95	Thể hiện thái độ, tình cảm khi	- Trẻ thể hiện cảm xúc khi nghe giai

phát triển thẩm mỹ		nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	điều của bài hát, bản nhạc và thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên và tỏ ra hứng thú trước tác phẩm nghệ thuật
	96	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	- Bé nhận biết được các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, ...).
	97	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	-Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình
	98	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	-Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. -Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
	99	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	- Cháu biết sử dụng các dụng cụ gõ như phách tre, gáo dừa, song loan,....đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát
	100	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	-Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	101	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích như hình thức bộ gõ cơ thể, sử dụng giấy, lon sữa, nôi, chảo,... - Tự đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	102	-Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc và nhận xét sản phẩm về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Vẽ những ký hiệu theo ý thích -Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	103	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	-Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. -Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/

			đường nét và bố cục.
	104	Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	-Vẽ , xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. -Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	105	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	-Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...
Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	106	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	-Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. -Một số thói quen hành vi văn minh
	107	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	-Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. -Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	108	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	109	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân -Đề xuất trò chơi và hoạt động -Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	110	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	-Tự tin khi thực hiện công việc được giao. -Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học. -Hoàn thành công việc được giao
	111	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.
	112	Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	-Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. -Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
	113	Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
	114	Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	- Thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) -Tình cảm yêu thương và Kính yêu

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			Bác Hồ. -Thể hiện tình cảm với các con vật. -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. -Cảnh đẹp của quê em.
	115	Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc,....
	116	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	-Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. -Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
	117	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	-Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. -Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
	118	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	-Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. -Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
	119	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	-Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. -Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. -Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.
	120	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi; - Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	-Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. -Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi - Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp
	121	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh	- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với

Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		nghiêm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	122	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.
	123	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
	124	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội quy qui định của lớp học. -Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
	125	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.
	126	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
	127	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. -Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
	128	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	-Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. -Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
	129	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	-Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. -Thực hiện công việc được giao (Trục nhật, xếp dọn đồ chơi)
	130	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	-Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng. -Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người.

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			-Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
	131	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
	132	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
	133	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường; - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	-Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp. -Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... -Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.
	134	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) -Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân -Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. -Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.
	135	- Quan tâm , chia sẻ, giúp đỡ bạn	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. -Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.

PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
1/NHÀ TRẺ:

Stt	Thời gian	Chủ đề	Dự kiến chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
Ôn định Từ ngày 8/9/2025				
			Bé đi học	15/9 - 19/9/2025

1	Từ 15/9- 17/10/2025	Bé làm quen với trường MN (5 tuần)	Bạn của bé	22/9 - 26/9/2025
			Đồ chơi của bé	29/9 - 03/10/2025
			Bé đón Trung Thu	6/10 - 10/10/2025
			Các bác, các cô trong trường mầm non	13/10 - 17/10/2025
2	Từ 20/10 - 14/11/2025	Gia đình của bé (4 tuần)	Ba, mẹ của bé <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép 20/10.</i>	20/10 - 24/10/2025
			Những người thân của bé	27/10 - 31/10/2025
			Đồ dùng cá nhân của bé	03/11 - 7/11/2025
			Đồ dùng trong gia đình bé	10/11 - 14/11/2025
3	Từ 17/11- 12/12/2025	Bản thân (4 tuần)	Các bộ phận trên cơ thể bé <i>Thứ 5 ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo VN</i>	17/11 - 21/11/2025
			Bé giữ vệ sinh cơ thể	24/11 - 28/11/2025
			Bé làm quen một số việc tự phục vụ	01/12 - 05/12/2025
			An toàn cho bản thân bé	8/12 - 12/12/2025
4	Từ 15/12- 09/01/2026	Các loài quả (4 tuần)	Những quả có vị ngọt	15/12 - 19/12/2025
			Những quả có vị chua <i>Thứ 2 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 4 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22/12 - 26/12/2025
			Các loại quả tròn <i>Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch.</i>	29/12 - 02/01/2026
			Các loại quả dài	5/01 - 9/01/2026
5	Từ: 12/01– 06/02/2026	Các loài rau (4 tuần)	Các loại rau ăn lá	12/01 - 16/01/2026
			Các loại rau ăn quả	19/01 - 23/01/2026 HK II
			Các loại rau ăn củ	26/01 - 30/01/2026

			Dinh dưỡng của các loại rau	02/02 - 6/02/2026
6	Từ: 09/02 – 6/03/2026	Các loài hoa (3 tuần)	Những loại hoa ngày tết	9/02 - 13/02/2026
<i>Nghỉ tết nguyên đán:1 tuần (16/02 - 20/02/2026)</i>				
			Những loại hoa cánh tròn	23/02 - 27/02/2026
			Những loại hoa cánh dài <i>Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.</i>	02-6/03/2026
7	Từ: 9/03 – 03/4/2026	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	Con vật thuộc nhóm gia cầm	9/03 - 13/03/2026
			Con vật thuộc nhóm gia súc	16/03 - 20/03/2026
			Bé biết con gì sống trong rừng.	23/03 - 27/03/2026
			Bé biết con gì sống dưới nước	30/03 - 03/04/2026
8	Từ: 6/04- 01/5/2026	Phương tiện giao thông (4 tuần)	PT giao thông đường bộ	6/04 - 10/04/2026
			PT giao thông đường sắt	13/4 - 17/4/2026
			PT giao thông đường thủy	20/4 - 24/4/2026
			<i>HĐ KHÁC</i> <i>30/4 ngày giải phóng Miền Nam</i> <i>-1/5 quốc tế lao động.</i>	27/4 - 01/05/2026
			Phương tiện giao thông đường hàng không	4/5 - 8/5/2026
9	Từ 4/5- 22/5/2026	Bé đón mùa hè (3 tuần)	Mùa hè đến rồi!	11/5 - 15/5/2026
			Ngày hè vui vẻ	18/5 -22/5/2026
			Bé vào lớp mầm <i>Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép sinh nhật Bác.</i>	25/5-29/5/2026

2.KHỐI MẦM

Stt	Thời gian	Chủ đề	Dự kiến chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
Ôn định Từ ngày 8/9/2025				

1	Từ 15/9 - 10/10/2025	Trường mầm non của bé (4 tuần)	Bé vui đón năm học mới	15/9 - 19/9/2025
			Lớp học của bé	22/9 - 26/9/2025
			Trường mầm non của bé	29/9 - 03/10/2025
			Công việc của người lớn trong trường Mầm Non <i>-Thứ 6 lồng ghép trung thu</i>	6/10 - 10/10/2025
2	Từ 13/10 - 7/11/2025	Gia đình thân yêu của bé (4 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	13/10 - 17/10/2025
			Ngôi nhà thân yêu <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10</i>	20/10 - 24/10/2025
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào ?	27/10 - 31/10/2025
			Bé làm gì để an toàn khi ở nhà?	03/11 - 7/11/2025
3	Từ 10/11 - 5/12/2025	Bản thân của bé (4 tuần)	Bé và những người bạn	10/11 - 14/11/2025
			Sự khác biệt giữa tôi với bạn <i>Thứ 5, ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo Việt Nam .</i>	17/11 - 21/11/2025
			Thực phẩm giúp bé thông minh và khỏe mạnh	24/11 - 28/11/2025
			Bé yêu thể thao	01/12 - 05/12/2025
			Bé yêu cây xanh	8/12 - 12/12/2025
4	Từ 08/12 - 02/01/2025	Thế giới Thực vật (4 tuần)	Các loại hoa trong sân trường	15/12 - 19/12/2025
			Cây nào cho quả <i>Thứ 2 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 4 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22/12 - 26/12/2025
			Bé biết những loại rau nào? <i>Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch</i>	29/12 - 02/01/2026
			Bé biết những phương tiện giao thông nào?	5/01 - 9/01/2026
5	Từ 05/01/2025- 23/01/2026	An toàn giao thông (3 tuần)	Một số biển báo, luật giao thông đơn giản	12/01 - 16/01/2026

			Bé tham gia giao thông an toàn	19/01 - 23/01/2026 HK II
6	Từ 26/01-13/02/2026	Tết và mùa xuân (3 tuần)	Mùa xuân đã về	26/01 - 30/01/2026
			Bé cùng gia đình chuẩn bị đón tết	02/02 - 6/02/2026
			Phong tục truyền thống trong ngày Tết	9/02 -13/02/2026
Nghỉ tết nguyên đán:1 tuần (16/02 - 20/02/2026)				
7	Từ 23/02 – 27/03/2026	Thế giới động vật (5 tuần)	Một số con vật thuộc nhóm gia cầm	23/02 - 27/02/2026
			Một số con vật thuộc nhóm gia súc Thứ 3 lồng ghép lễ hội chùa bà quê em. Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	02-6/03/2026
			Động vật rừng xanh	9/03 - 13/03/2026
			Côn trùng quanh bé	16/03 - 20/03/2026
			Một số loài cá	23/03 - 27/03/2026
8	Từ 30/3/ - 10/04/2026	Hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Nước và các hiện tượng tự nhiên	30/03 - 03/04/2026
			Bé biết gì về mùa hè	6/04 - 10/04/2026
9	Từ 13/04 - 8/05/ 2026	Một số ngành nghề quen thuộc (4 tuần)	Bố mẹ bé làm nghề gì ?	13/4 - 17/4/2026
			Chú bộ đội, chú công an	20/4 - 24/4/2026
			HD KHÁC -Giỗ tổ Hùng Vương -30/4 ngày giải phóng Miền Nam -1/5 quốc tế lao động.	27/4 - 01/05/2026
			Nghề truyền thống ở địa phương	4/5 - 8/5/2026
			Lớn lên bé thích làm nghề gì ?	11/5 - 15/5/2026
10	Từ 11/ 05 - 22/05/2026	Bác Hồ (2 tuần)	Bác Hồ của em	18/5 -22/5/2026
			Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép sinh	25/5-29/5/2025

3.KHỎI CHÔI

Stt	Thời gian	Chủ đề	Dự kiến chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
1	Từ 15/9 - 10/10/2025	Trường mầm non của bé (4 tuần)	Bé vui đón năm học mới	15/9 - 19/9/2025
			Lớp học của bé	22/9 - 26/9/2025
			Công việc của người lớn trong trường MN	29/9 - 03/10/2025
			Bé đón trung thu	6/10 - 10/10/2025
2	Từ 13/10 - 7/11/2025	Gia đình của bé (4 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	13/10 - 17/10/2025
			Ngôi nhà thân yêu <i>Thứ 2, ngày 20/10 lồng ghép ngày phụ nữ Việt Nam 20/10</i>	20/10 - 24/10/2025
			Bé cần làm gì để được an toàn khi ở nhà	27/10 - 31/10/2025
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào ?	03/11 - 7/11/2025
3	Từ 10/11 - 05/12/2025	Bản thân của bé (4 tuần)	Bé và những người bạn	10/11 - 14/11/2025
			Sự khác biệt giữa tôi với bạn <i>Thứ 5, ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo VN 20/11</i>	17/11 - 21/11/2025
			Thực phẩm giúp bé thông minh và khỏe mạnh	24/11 - 28/11/2025
			An toàn với bản thân bé	01/12 - 05/12/2025
4	Từ 8/12 - 02/01/2026	Một số ngành nghề quen thuộc (4 tuần)	Bé biết những nghề nào?	8/12 - 12/12/2025
			Bố mẹ bé làm nghề gì ?	15/12 - 19/12/2025
			Nghề truyền thống ở địa phương <i>Thứ 2, ngày 22/12 lồng ghép ngày quân đội nhân dân VN 22/12</i>	22/12 - 26/12/2025
			Lớn lên bé thích làm nghề gì ?	29/12 - 02/01/2026
5	Từ 5/01 - 30/01/2026	Thế giới Thực vật (4 tuần)	Bé yêu cây xanh	5/01 - 9/01/2026
			Các loại hoa trong sân trường	12/01 - 16/01/2026
			Cây nào cho quả	19/01 - 23/01/2026 HK II

			Các loại rau bé thích	26/01 - 30/01/2026
6	Từ 02/02 - 6/03/2026	Tết Mùa xuân (4 tuần)	Mùa xuân đã về	02/02 - 6/02/2026
			Bé cùng gia đình chuẩn bị đón tết	9/02 - 13/02/2026
Nghỉ tết nguyên đán:1 tuần (16/02 - 20/02/2026)				
			Các loại bánh mứt ngày tết	23/02 - 27/02/2026
			Lễ hội chùa bà quê em	02/3 - 06/3/2026
7	Từ 9/03 - 20/03/2026	An toàn giao thông (2 tuần)	Bé biết những phương tiện giao thông nào? Thứ 6, lồng ghép ngày quốc tế phụ nữ 08/3	09/3 - 13/03/2026
			Một số biển báo, luật giao thông đơn giản	16/03 - 20/03/2026
8	Từ 23/03 - 17/4/2026	Thế giới động vật (4 tuần)	Một số con vật thuộc nhóm gia cầm	23/03 - 27/03/2026
			Một số con vật thuộc nhóm gia súc	30/03 - 03/04/2026
			Động vật rừng xanh	6/04 - 10/04/2026
			Côn trùng quanh bé	13/04 -17/04/2026
9	Từ 20/4 - 8/5/2026	Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Một số nguồn nước	20/04 - 24/04/2026
			HĐ KHÁC	27/04 - 01/05/2026
			Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 Ngày 30/4; 1/5	
			Các hiện tượng thiên nhiên	04/5 - 8/5/2026
			Mùa hè của bé	11/5 - 15/5/2026
10	Từ 11/5 - 22/5/2026	Bác Hồ của bé (2 tuần)	Bác Hồ của em	18/5 - 22/5/2026
			Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép ngày sinh nhật Bác Hồ	22/5-29/5/2025

4. KHÔI LÁ

ST T	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Ổn định nề nếp : 08/09-12/9/2025				
	15/9/2025 –	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	15-19/9/2025

1	3/10/2025	hoa phượng (3 tuần)	Công việc của người lớn trong trường mầm non	22-26/9/2025
			Những nội qui trong lớp của bé	29/9-03/10/2025
2	Từ 6/10 - 24/10/2025	Bản thân (3 tuần)	Cơ thể của bé <i>Thứ 2 ngày 06/10 lồng ghép Trung thu của bé</i>	6/10-10/10/2025
			Sự khác biệt giữa tôi với bạn	13-17/10/2025
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10</i>	20-24/10/2025
3	27/10-14/11/2025	Gia đình của bé (3 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	27-31/10/2025
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào?	03/11-7/11/2025
			Bé cần làm gì để được an toàn khi ở nhà	10-14/11/2025
4	17/11–8/12/2025	Thế giới của các con vật (4 tuần)	Những con vật sống trong gia đình <i>Thứ 5, ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo Việt Nam .</i>	17-21/11/2025
			Động vật sống trong rừng	24-28/11/2025
			Bé khám phá đại dương	01-05/12/2025
			Động vật sống nơi ở khắp mọi nơi	8-12/12/2025
5	15/12- 9/01/2025	Thế giới thực vật (4 tuần)	Cây xanh trong trường bé	15-19/12/2025
			Các loại hoa trong sân trường <i>Thứ 2, ngày 22/12 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 5 ngày 25/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22-26/12/2025
			Một số loại quả mà bé biết <i>Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch</i>	29/12-02/01/2026
			Bé thích các loại rau có nhiều vitamin	5-9/01/2026
6	12/01-30/01/2026	Lớn lên bé thích	Bé tìm hiểu về nghề nông	12-16/01/2026

		làm nghề gì? (3 tuần)	dân	
			Nghề bác sĩ	19-23/01/2026 HKII
			Lớn lên bé làm nghề gì?	26-30/01/2026
7	02/2 - 27/2/2026	Tết nguyên đán (3 tuần)	Mùa xuân đã về	2/2-6/02/2026
			Bé cùng gia đình chuẩn bị đón tết	9-13/02/2026
Nghỉ tết nguyên đán: 1 tuần (từ 16/02- 20/2/2026)				
			Bé vui chơi sau tết	23-27/2/2026
8	02/03–20/03/2026	Quê hương của bé (3 tuần)	Khu phố nơi em sống Thứ 3, Lễ hội rước Bà quê em Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	02/3-6/3/2026
			Một số nghề truyền thống ở Bình Dương	9-13/3/2026
			Bé du lịch vòng quanh đất nước	16-20/3/2026
9	23/3-3/4/2026	Giao thông (2 tuần)	Bé biết những phương tiện giao thông nào?	23/3-27/3/2026
			Một số biển báo và luật giao thông đơn giản	30/3-03/4/2026
10	6/4-24/04/2026	Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Nước -cát-sỏi đá.	6-10/4/2026
			Nắng và gió	13-17/4/2026
			Cùng bé bảo vệ môi trường biến đổi khí hậu	20-24/4/2026
11	27/4-8/5/2026	Thủ đô- bác hồ (2 tuần)	Giỗ tổ Hùng Vương 27/04 Giải phòng miền Nam 30/04 Quốc tế lao động 01/05	27/4-01/5/2026
			Bé yêu Thủ đô Hà Nội	4/5-8/5/2026
			Bác Hồ của em	10-15/5/2026
12	10/5-22/5/2026	Trường tiểu học (2 tuần)	Bé tham quan trường tiểu học	18-22/5/2026
			Những đồ dùng bé cần chuẩn bị khi vào lớp 1. Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép	25/5-29/5/2026

			<i>sinh nhật Bác</i>	
--	--	--	----------------------	--

PHẦN IV: LỊCH SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA BÉ

1/Thời gian biểu:
***Nhà trẻ:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĐIỂM DANH - ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG CHƠI TẬP CÓ CHỦ ĐÍCH				
	VẬN ĐỘNG	NBTN	TH	NBPB	CHUYỆN (THO)
			GDAN		
8h30 – 8h50	UỐNG SỮA				
8h50 – 9h20	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9h20 – 10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h00 – 10h15	VỆ SINH				
10h15 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 14h00	ĂN XÉ				
14h00 – 14h20	CHƠI THEO Ý THÍCH				
14h20 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	HDTC	CHƠI THEO Ý THÍCH	HDTC	ÔN LUYỆN	CHƠI THEO Ý THÍCH
14h50 – 15h30	VỆ SINH- ĂN CHIỀU				
15h30 – 15h45	VỆ SINH				
15h45 – 16h00	TUYÊN DƯƠNG				
16h00 – 17h00	TRẢ TRẺ				

*** Khối Mầm:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG GIỜ HỌC				
	GDAN	TH	GDAN	TDGH	GDAN
		HĐKP			
8h30 – 8h50	UỐNG SỮA				
8h50 – 9h20	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9h20 – 10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h00 – 10h30	VỆ SINH				
10h30 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 13h50	VỆ SINH – ĂN XÉ				
13h50 – 14h10 14h10 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	TTVS	HĐTC	TTVS	THNTH	TTVS
	Ngoại khóa (TDNĐ) (14h10-14h50)	Ngoại khóa (AV) (14h40-15h10)	Ngoại khóa (TDNĐ) (14h10-14h50)	Ngoại khóa (AV) (14h40-15h10)	Ngoại khóa (TDNĐ) (14h10-14h50)
14h50 – 15h35	VỆ SINH- ĂN CHIỀU				
15h35 – 16h00	NÊU GƯƠNG				
16h00 – 17h00	TRẢ TRẺ				

*** Khối Chồi:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				

7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĂN SÁNG				
8h00 – 8h20 8h20-8h35	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	GDAN	LQVT	GDAN	TDGH	GDAN
		HĐKP			
8h35 – 8h50	UỐNG SỮA				
8h50 – 9h20	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9h20 – 10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h00 – 10h30	VỆ SINH				
10h30 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 –13h50	VỆ SINH – ĂN XE				
13h50 – 14h20 14h20 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	Ngoại khóa (TDNĐ) (13h50-14h20) TTVS	HDTC Ngoại khóa (AV) (14h20-14h50)	Ngoại khóa (TDNĐ) (13h50-14h20) Bé nhận biết và LQCC	THNTH Ngoại khóa (AV) (14h20-14h50)	SHTT LĐTT
14h50 – 15h30	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
15h30 – 16h00	NÊU GƯƠNG				
16h00 –17h00	TRẢ TRẺ				

*** Khối Lá:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8h30 – 8h40	VỆ SINH-UỐNG SỮA				

8h40 – 9h05 9h05 – 9h35	HOẠT ĐỘNG GIỜ HỌC				
	GDAN	TH	GDAN	LQVH	GDAN
		HĐKP		TDGH	
9h35 – 10h15	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h15 – 10h30	VỆ SINH				
10h30 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 13h50	VỆ SINH – ĂN XE				
13h50 – 14h20 14h20 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	Ngoại khóa (13h50-14h20 TTVS	Ngoại khóa 13h50-14h20 HDTC	Ngoại khóa 13h50-14h20 THỰC HIỆN SÁCH BÉ VÀO LỚP 1	Ngoại khóa (13h50-14h20 THNTH	SHTT LĐTT
14h50 – 15h30	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
15h30 – 16h00	NẪU GƯƠNG				
16h00 – 17h00	TRẢ TRỄ				

Duyệt của Hiệu trưởng



Lê Thị Thái

Phó hiệu trưởng

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Hồng Thanh.

Nguyễn Hồng Thanh